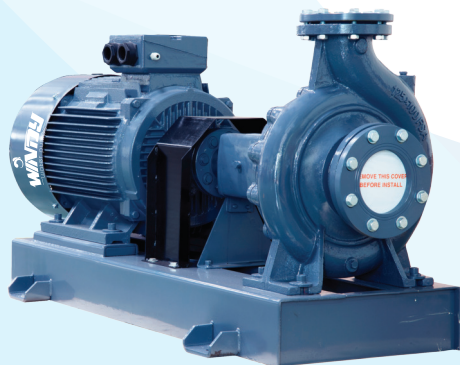
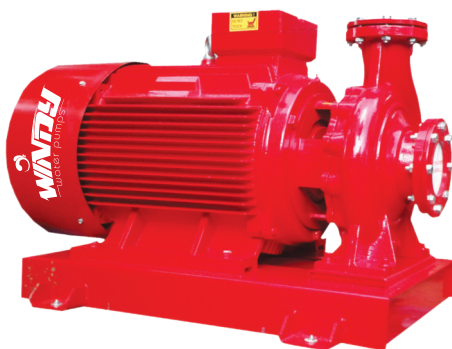
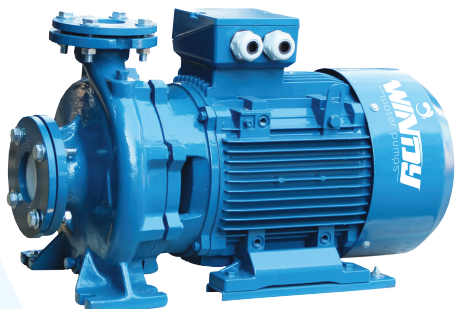




CATALOGUE 2018

www.windy.com.vn



ỨNG DỤNG/APPLICATION

● Máy bơm ly tâm trục ngang được sử dụng rộng rãi trong :

- Xây dựng
- Thoát nước, thủy lợi, tưới tiêu, cung cấp nước,
- Hệ thống chữa cháy,
- Công nghiệp (hệ thống giải nhiệt, bột giấy, thực phẩm, hóa chất, dệt nhuộm...)
- Hệ thống sưởi, điều hòa không khí, tháp giải nhiệt
- Hồ bơi, hệ thống rửa ...

**Máy được cung cấp kèm theo mặt bích.*

● Monobloc horizontal centrifugal pumps, widely used in the following fields:

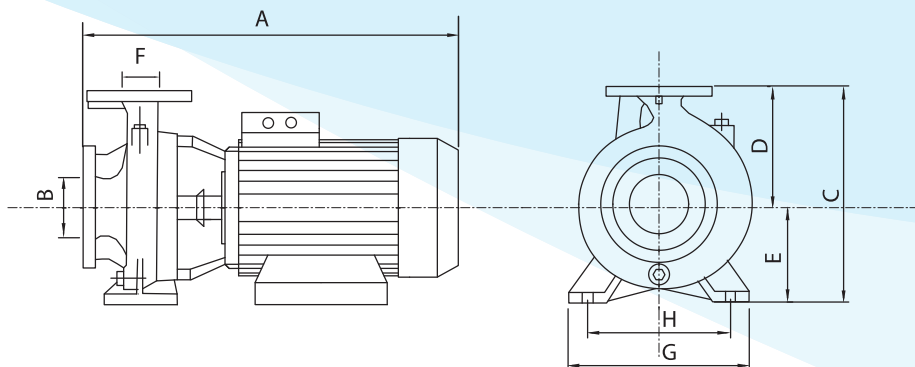
- Building
- Drainage, irrigation, sprinkling, water supplies,
- Fire-fighting systems,
- General industry, plastics, paint, textiles, paper.
- Heating systems, air-conditioning, cooling tower
- Swimming pool, washing systems...
- *Standard supply with counter-flange.*

HOẠT ĐỘNG/OPERATION LIMITS

$Q = 4.5 - 420 \text{ m}^3/\text{h}$

$75 - 7000 \text{ L/min}$

$H = 24.4 \rightarrow 94\text{m}$



[illegible]



Drive your way™

The Family of HYUNDAI ENGINE

- Generator Engine
- Industrial Engine
- Automotive Engine



HYUNDAI DIESEL ENGINE



DESCRIPTION		D2BB
DISPLACEMENT (cc)		2,607
MAX. POWER (ps/rpm)		20 / 3,000
MAX. TORQUE (kg.m.rpm)		17 / 2,200
DIMENSION	LENGTH	430
	WIDTH	400
	HEIGHT	520
WEIGHT IN DRY (kg)		70.0
CYCLE		2
NO. OF CYLINDER		2
CYLINDER ARRANGEMENT		IN-LINE
FIRING ORDER		1-2
COMPRESSION RATIO		22
ASPIRATION (V-A)		NA
ALTERNATOR (V-A)		12-75
STARTER MOTOR (V-kw)		12-20
BSM (balance shaft module)		IN BLOCK
ETC (electronic throttle control)		Non
TIMING TRAIN		BELT

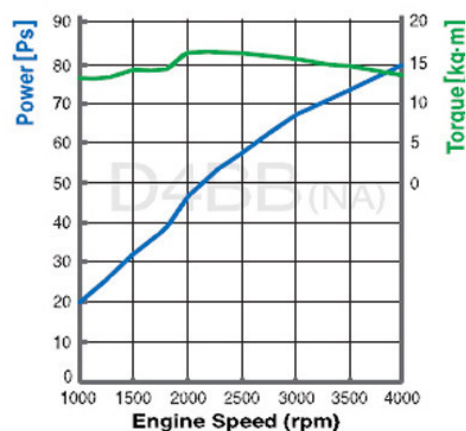
HYUNDAI DIESEL ENGINE



DESCRIPTION		D3BB
DISPLACEMENT (cc)		2,607
MAX. POWER (ps/rpm)		30 / 3,000
MAX. TORQUE (kg.m.rpm)		17 / 2,200
DIMENSION	LENGTH	550
	WIDTH	510
	HEIGHT	610
WEIGHT IN DRY (kg)		100.0
CYCLE		3
NO. OF CYLINDER		3
CYLINDER ARRANGEMENT		IN-LINE
FIRING ORDER		1-2
COMPRESSION RATIO		22
ASPIRATION (V-A)		NA
ALTERNATOR (V-A)		12-75
STARTER MOTOR (V-kw)		12-20
BSM (balance shaft module)		IN BLOCK
ETC (electronic throttle control)		Non
TIMING TRAIN		BELT



DIESEL FOR WATER PUMP



DESCRIPTION		D4BB(59KW/80PS/4,000RPM)
DISPLACEMENT(cc)		2,607
BORE X STROKE(mm)		91.1X100
MAX. POWER (ps/rpm)		80/4,000
MAX. TORQUE (kg.m/rpm)		17/2,200
FUEL CONSUMPTION (l/h)		8
DIMENSION (mm)	LENGTH	710
	WIDTH	673.4
	HEIGHT	641
WEIGHT IN DRY(kg)		200.8
CYCLE		4
NO. OF CYLINDER		4
CYLINDER ARRANGEMENT		IN-LINE
FIRING ORDER		1-3-4-2
COMPRESSION RATIO		22
ASPIRATION		NA
ALTERNATOR(V-A)		12-65
STARTER MOTOR(V-kw)		12-2.0
BSM(balance shaft module)		IN BLOCK
ETC(electronic throttle control)		Non
TIMING TRAIN		BELT



Model	kW	HP	Q (m3/h)	1	1.2	1.6	2	2.4	2.8	3.2	3.5
KPM 2-9	1.1	1.5	H (m)	80	78	93	67	61	54	45	37
KPM 2-11	1.1	1.5		98	95	89	82	73	64	54	44
KPM 2-13	1.5	2		116	114	106	98	89	78	65	52
KPM 2-15	1.5	2		134	130	123	112	100	90	73	60
KPM 2-18	2.2	3		161	157	148	136	121	108	91	76
KPM 2-22	2.2	3		197	192	180	165	148	130	110	90
KPM 2-26	3	4		232	228	214	198	179	158	130	110

Model	kW	HP	Q (m3/h)	1.5	2	3	4	5	6	7
KPM 4-12	2.2	3	H (m)	114	108	104	95	85	75	58
KPM 4-14	3	4		136	126	122	112	101	89	68
KPM 4-16	3	4		152	144	140	129	115	101	78
KPM 4-19	4	5.5		183	171	168	153	137	122	93
KPM 4-22	4	5.5		211	200	192	178	160	138	108

Model	kW	HP	Q (m3/h)	5	6	7	8	9	10	11	12
KPM 8-10	4	5.5	H (m)	104	100	97	92	87	81	73	65
KPM 8-12	4	5.5		124	120	116	111	104	92	87	78
KPM 8-14	5.5	7.5		145	141	136	130	122	113	102	92
KPM 8-16	5.5	7.5		166	161	156	148	139	130	108	106
KPM 8-18	7.5	10		187	182	175	167	157	146	134	120
KPM 8-20	7.5	10		208	202	195	186	175	163	150	135

Model	kW	HP	Q (m3/h)	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
KPM 12-8	5.5	7.5	H (m)	116	94	91	88	84	80	75	70	63	56
KPM 12-10	7.5	10		120	118	115	111	106	101	94.5	88	80	72
KPM 12-12	7.5	10		144	141	137	133	127	121	114	106	96	86
KPM 12-14	11	15		168	165	160	155	148	141	133	124	112	100
KPM12-16	11	15		193	189	184	178	170	162	152	142	129	115

Model	kW	HP	Q (m3/h)	10	12	14	16	18	20	22	24	26	28
KPM 20-7	7.5	10	H (m)	95	93	91	89	86	82	77	71	65	58
KPM 20-8	11	15		109	107	105	102	99	94	89	82	75	67
KPM 20-10	11	15		136	134	131	128	124	118	111	103	95	85
KPM 20-12	15	20		164	162	158	154	149	142	133	124	114	102
KPM 20-14	15	20		192	189	185	180	174	166	156	145	133	119

ỨNG DỤNG/APPLICATION

● Bơm ly tâm đa tầng cánh trục đứng được sử dụng cho :

- Hệ thống điều áp-tạo áp
- Bơm bù áp phòng cháy chữa cháy
- Xây dựng • Nhà cao tầng
- Nông nghiệp và Công nghiệp
- Xây dựng, nhà cao tầng
- Hệ thống chữa cháy
- Hồ bơi, hệ thống rửa ..
- Đặc biệt thích hợp cho nồi hơi

* Máy được cung cấp kèm theo mặt bích.

● Multistage centrifugal pump is used for:

- System-generated pressure regulator
- Pressure compensated pump fire
- Construction • Buildings
- Agriculture and Industry
- Construction and building
- Fire fighting system
- Swimming pools, washing system
- Especially suited for boilers

* Standard supply with counter-flange

HOẠT ĐỘNG/OPERATION LIMITS

Q = 6 -> 48 m³/h (100 - 800 L/min)

H = 50 - 350 m

